

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đơn giá bồi thường vật kiến trúc để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe thành phố Uông Bí

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Ban hành quy định về bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - Phần đơn giá bồi thường nhà, kiến trúc;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 38/TTr-SXD ngày 18/4/2025 và ý kiến tham gia của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá bồi thường vật kiến trúc để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe thành phố Uông Bí, bao gồm:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Đơn giá (bao gồm VAT)
1	Nhà 1 tầng khung chịu lực, tường xây gạch chỉ D220, mái BTCT, tường sơn bả, không cầu thang, không gác xép	m ²	4.873.391
2	Ô thoáng chớp gỗ lim	m ²	1.350.000
3	Lập là gỗ nhóm 3-4	m	127.079
4	Ô thoáng chớp gỗ nhóm 3	m ²	1.050.000

STT	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Đơn giá (bao gồm VAT)
5	Ô thoáng chớp gỗ nhóm 4	m ²	850.000
6	Tháo dỡ điều hoà	cái	209.667
7	Tháo dỡ quạt treo tường	cái	39.616
8	Lắp dựng xà gỗ Thép	kg	23.186
9	Tháo dỡ quạt trần	cái	53.043
10	Tháo dỡ gương	cái	33.448
11	Tháo dỡ vòi hoa sen, chậu rửa các loại	bộ	51.050
12	Tháo dỡ bình nóng lạnh	cái	69.889
13	Tháo dỡ bình năng lượng mặt trời	bộ	600.000
14	Xây tường bằng gạch xi	m ³	1.703.128
15	Xây móng bằng gạch xi	m ³	1.532.815
16	Hàng rào khung thép, lưới thép D4 hàn chập, sơn tĩnh điện	m ²	742.844
17	Lát gạch đất nung KT 50x50 cm (gạch đỏ)	m ²	297.393
18	Nền đầm xỉ vôi	m ³	1.054.112
19	Ốp chân tường bằng gỗ Pomu dày 2 cm	m ²	2.100.000
20	Ốp trần bằng gỗ Pomu dày 1,5 cm	m ²	2.900.000
21	Ốp gạch thẻ 10x20cm, 6x24 cm	m ²	425.035
22	Lan can cầu thang con tiện gỗ lim, tay vịn gỗ lim	m	1.900.000
23	Lợp ngói toho, ngói tráng men	m ²	471.734
24	Đóng cọc bê tông KT 20x20 cm	md	255.070
25	Đóng cọc bê tông KT 25x25 cm	m	311.720
26	Đóng cọc bê tông KT 30x30 cm	m	356.092
27	Đắp cát tôn nền	m ³	537.687
38	Đổ đá mặt hoặc đá base tôn nền	m ³	537.687
29	Đóng cọc tre dài 2,5 m, 25 cọc/m ²	m	22.213
30	Lát bậc cầu thang, ốp đá bàn mặt bàn bếp bằng đá granit dày 3cm	m ²	1.170.392
31	Lập là gỗ lim, sến	m	153.280
32	Ốp tường bằng gỗ xoan	m ²	800.000

STT	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Đơn giá (bao gồm VAT)
33	Ốp trần bằng gỗ xoan	m ²	950.000
34	Kính thường trắng, màu dày 5 mm	m ²	145.000
35	Tôn múi dày 0,51 mm	m ²	120.000
36	Khung sắt các loại	kg	34.390
37	Tháo dỡ téc nước	cái	162.396
38	Ống nhựa HDPE D20, dày 2,3 mm	m	10.800
39	Ống nhựa HDPE D25, dày 2,3 mm	m	13.600
40	Chân đế cột đá D20 cm, cao 50 cm	cái	2.800.000
	Tổng: 40 mục đơn giá		

(Nội dung chi tiết đơn giá được xác định theo hồ sơ gửi kèm Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 19/4/2025 của UBND thành phố Uông Bí, và Tờ trình số 38/TTr-SXD ngày 18/4/2025 của Sở Xây dựng).

Điều 2. UBND thành phố Uông Bí có trách nhiệm triển khai thực hiện, áp dụng đơn giá trong quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe thành phố Uông Bí theo quy định. Thực hiện nghiêm các nội dung, quy trình kiểm đếm, lập, phê duyệt phương án bồi thường theo quy định của Luật Đất đai và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

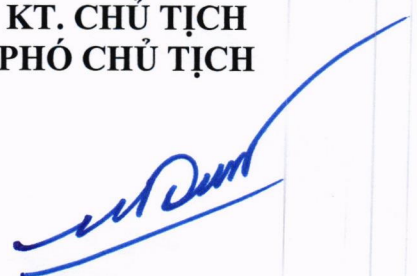
Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1, QLĐĐ1-3, GT1,2;
- Lưu: VT, XD1.

XD03-QĐ048

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Vũ Văn Diện